

UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: /SGDDĐT-TC

V/v triển khai thực hiện Nghị định
số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025
của Chính phủ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày tháng 10 năm 2025

Kính gửi:

- UBND các xã, phường;
- Các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Trường Phổ thông thực hành Sư phạm Tràng an.

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách (sau đây gọi là Nghị định số 66/2025/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Nghị định số 142/2025/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 115/2025/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình Quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội (sau đây gọi là Quyết định số 115/2025/QĐ-UBND);

Thực hiện Văn bản số 2130/BGDĐT-GDPT ngày 06/5/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; Văn bản số 237/UBND-VP6 ngày 20/3/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc triển khai thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ.

Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đề nghị UBND các xã, phường (chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý), các cơ giáo dục thuộc Sở GDĐT và Trường Phổ thông thực hành Sư phạm Tràng an triển khai thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP và Quyết định số 115/2025/QĐ-UBND, cụ thể như sau:

1. Phổ biến, quán triệt, tuyên truyền các chính sách hỗ trợ được quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, Quyết định số 115/2025/QĐ-UBND tới cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, học viên và cha mẹ trẻ em, học sinh, học viên.

2. Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, rà soát, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, đảm bảo hỗ trợ đúng đối tượng và mức hỗ trợ, tổng hợp danh sách, lập dự toán kinh phí đề nghị cấp kinh phí để chi trả kịp thời đúng quy định.

3. Thực hiện chế độ, chính sách đối với trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên và các cơ sở giáo dục:

a) Đối với trẻ em nhà trẻ bán trú: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 và khoản 1 Điều 6 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

b) Đối với học sinh bán trú và học viên bán trú: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

Việc xác định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày thực hiện theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 115/2025/QĐ-UBND.

c) Đối với học sinh dân tộc nội trú: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP và Điều 2 Quyết định số 115/2025/QĐ-UBND

d) Đối với các cơ sở giáo dục: Thực hiện theo Điều 7 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

4. Quy trình xét duyệt và trình tự, thủ tục đề nghị cấp kinh phí, hỗ trợ gạo

a) Đối với trẻ em nhà trẻ bán trú: Thực hiện theo Điều 8 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP và khoản 1 Điều 36 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP

b) Đối với học sinh bán trú và học viên bán trú: Thực hiện theo Điều 9 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP và khoản 2 Điều 36 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP

c) Đối với học sinh dân tộc nội trú: Thực hiện theo Điều 10 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP và khoản 3 Điều 36 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP

d) Quy trình tổ chức cấp phát gạo cho học sinh, học viên: Thực hiện theo Điều 11 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP

5. Lập dự toán, quyết toán kinh phí

a) Quy trình lập dự toán: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP và Điều 36 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP .

b) Quản lý và quyết toán kinh phí: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP và khoản 4 Điều 36 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

6. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách

a) Kinh phí thực hiện chính sách: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP

b) Nguồn gạo hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

7. Về lựa chọn phương án tổ chức nấu ăn và sử dụng kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh bán trú.

Các cơ sở giáo dục căn cứ điều kiện cơ sở vật chất (nhà bếp, nhà ăn, hệ thống cấp nước, khu vệ sinh ...) tổ chức nấu ăn cho học sinh theo mức hỗ trợ gạo và mức hỗ trợ tiền ăn quy định tại Khoản 1 và điểm a, c, Khoản 2, Điều 6.

Kinh phí thuê người nấu ăn thực hiện theo quy định tại điểm đ, Khoản 2 và điểm a, Khoản 3, Điều 7.

Trường hợp điều kiện cơ sở vật chất (nhà bếp, nhà ăn, hệ thống cấp nước, khu vệ sinh ...) không đảm bảo để tổ chức nấu ăn cho học sinh, UBND các xã, phường chỉ đạo các cơ sở giáo dục chi trả đầy đủ các chính sách và mức hưởng cho học sinh, đồng thời rà soát cơ sở vật chất hiện trạng, bố trí ngân sách địa phương, huy động các nguồn xã hội hóa ... khắc phục các khó khăn để tổ chức nấu ăn cho học sinh; tổng hợp nhu cầu kinh phí báo cáo UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí để đầu tư.

Nhận được văn bản này, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Phòng Tài chính) để giải đáp theo thẩm quyền, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét hướng dẫn các nội dung vượt thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính;
- Trường ĐH Hoa Lư;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Các phòng thuộc Sở GDĐT;
- Lưu: VT, TC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Quang Tuệ